

雇 主 聘 僱 外 國 人 申 請 書 (外國人代雇主申請，中越文版)

Đơn xin tuyển dụng lao động người nước ngoài

(người nước ngoài thay mặt chủ sử dụng lao động nộp đơn, phiên bản Trung Việt)

工作類別：4 家庭幫傭 Loại công việc: 4. Giúp việc gia đình	申請項目：接續聘僱許可 Hạng mục xin: Giấy phép tiếp nhận tuyển dụng lao động ☐ 62 公立就業服務機構 Tổ chức dịch vụ việc làm công lập ☐ 63 雙方合意 Hai bên đồng ý ☐ 63 三方合意 Ba bên đồng ý 限外國人原聘期屆滿，因疫情影響未能出國且雇主未辦理期滿續聘或期滿轉換 Giới hạn người nước ngoài đã hết hạn hợp đồng lao động cũ, nhưng vì ảnh hưởng dịch bệnh chưa thể xuất cảnh và chủ sử dụng lao động chưa làm thủ tục tiếp nhận tuyển dụng hoặc chuyển chủ sau khi hết hạn hợp đồng cũ. ☐ 62 至公立就業服務機構接續 Đến tổ chức dịch vụ việc làm công lập tiếp tục làm việc ☐ 63 雙方合意 Hai bên đồng ý
3 外國人雇主受聘僱來我國投資或工作專案： Dự án dành cho chủ sử dụng lao động là người nước ngoài sang Đài Loan đầu tư hoặc làm việc ☐ 外資金額 Số tiền đầu tư nước ngoài ☐ 1. 新臺幣 1 億元以上之公司所聘僱總經理以上 Chức vụ tổng giám đốc trở lên được tuyển dụng bởi công ty 100 triệu Đài tệ trở lên (NT\$100,000,000) ☐ 2. 新臺幣 2 億元以上之公司所聘僱各部門主管級以上 Chức vụ chủ quản bộ phận (trở lên) được tuyển dụng bởi công ty 200 triệu Đài tệ trở lên (NT\$200,000,000) ☐ 公司營業額 Doanh thu của công ty ☐ 1. 上年度營業額在新臺幣 5 億元以上之公司所聘僱總經理以上 Chức vụ tổng giám đốc trở lên được tuyển dụng bởi công ty có doanh thu 500 triệu Đài tệ năm trước đó (NT\$500,000,000). ☐ 2. 上年度營業額在新臺幣 10 億元以上之公司所聘僱各部門主管級以上 Chức vụ chủ quản bộ phận trở lên được tuyển dụng bởi Công ty có doanh thu 1 tỷ Đài tệ năm trước đó (NT\$1,000,000,000). ☐ 薪資所得 Thu nhập từ lương ☐ 1. 上年度在我國繳納綜合所得稅之薪資所得達新臺幣 300 萬元以上或當年度月薪達新臺幣 25 萬元以上之公司、財團法人、社團法人或國際非政府組織主管級以上 Chức vụ chủ quản trở lên tại các tập đoàn, hiệp hội hoặc tổ chức phi chính phủ quốc tế, công ty có tiền lương đóng thuế thu nhập ở Đài Loan năm trước đạt 3 triệu Đài tệ trở lên hoặc tiền lương tháng trong năm 25 vạn Đài tệ trở lên. ☐ 2. 年薪達新臺幣 200 萬元以上或月薪達新臺幣 15 萬元以上之公司、財團法人、社團法人或國際非政府組織主管級以上，且聘僱於入國工作前於國外聘僱同一名外籍幫傭 Chức vụ chủ quản trở lên tại các tập đoàn, hiệp hội hoặc tổ chức phi chính phủ quốc tế, công ty có lương năm đạt 2 triệu Đài tệ trở lên hoặc lương tháng đạt 15 vạn Đài tệ trở lên, trước khi được nhập cảnh vào Đài Loan làm việc vốn đã tuyển dụng cùng một người giúp việc nước ngoài ở nước ngoài. ☐ 新創公司 Công ty khởi nghiệp ☐ 1. 經中央目的事業主管機關認定曾任國外新創公司之高階主管或研發團隊核心技術人員，且有被其他公司購併交易金額達美金 500 萬元以上之實績。 Được cơ quan chủ quản sự nghiệp mục tiêu trung ương nhận định từng là chủ quản cấp cao hoặc nhân viên kỹ thuật cốt yếu của đội ngũ phát triển nghiên cứu của công ty khởi nghiệp nước ngoài, có thành tích tích thực tế là được công ty khác mua lại với số tiền 5 triệu USD trở lên. ☐ 2. 經中央目的事業主管機關認定曾任國外新創公司之高階主管或研發團隊核心技術人員，且有成功上市之實績。 Được cơ quan chủ quản sự nghiệp mục tiêu trung ương nhận định từng là chủ quản cấp cao hoặc nhân viên kỹ thuật cốt yếu của đội ngũ phát triển nghiên cứu của công ty khởi nghiệp nước ngoài, có thành tích tích thực tế là niêm yết thành công. ☐ 3. 經中央目的事業主管機關認定曾任創投公司或基金之高階主管，且投資國外新創或事業金額達美金 500 萬元以上之實績。 Được cơ quan chủ quản sự nghiệp mục tiêu trung ương nhận định từng là chủ quản cấp cao của công ty	

hoặc quỹ đầu tư mạo hiểm và có thành tích thực tế là đầu tư hơn 5 triệu USD trở lên vào các công ty hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp nước ngoài.

☐ 4. 經中央目的事業主管機關認定曾任創投公司或基金之高階主管，且投資國內新創或事業金額達美金 100 萬元以上之實績。

Được cơ quan chủ quản sự nghiệp mục tiêu trung ương nhận định từng là chủ quản cấp cao của công ty hoặc quỹ đầu tư mạo hiểm và có thành tích thực tế là đầu tư hơn 1 triệu USD trở lên vào các công ty hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước.

外國人填寫欄位 ột điền thông tin người nước ngoài												
國籍 Quốc tịch	護照號碼 (填表說明注意 事項三) Số hộ chiếu (xem tại mục chú ý 3)	外國人行動電話 (必填，填表說明注意事 項四) Số điện thoại di động (Bắt buộc xem mục chú	外國人電子郵件 (請擇一勾選，填表說明注意事項四) e-mail (Hãy chọn một ô, xem mục chú ý 4)									
越南 Người Việt Nam												☐ 有 Có: ☐ 無 Không

本申請案回復方式：☐親取 ☐郵寄外國人工作地址 (請擇一勾選)
 Cách thức nhận kết quả hồ sơ: ☐ Đến lấy trực tiếp ☐ gửi bưu điện đến địa chỉ làm việc của người nước ngoài (hãy chọn một ô)
 本人聲明本申請案所填寫資料及檢附文件等均屬實，如有虛偽，願負法律上之一切責任。
 Tôi xin cam đoan tất cả thông tin đã điền trên tờ đơn này và giấy tờ kèm theo đơn đều đúng sự thật, nếu sai, tôi sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.
 外國人簽名：
 Chữ ký người nước ngoài:

雇主協助外國人填寫欄位 ột dành cho chủ sử dụng lao động hỗ trợ người nước ngoài điền												
雇主護照號碼 (有附則免填，填表說明注意 事項五) Số hộ chiếu chủ sử dụng lao động (nếu đã đính kèm thì không cần												
審查費收據 (有附則免填，填表說明 注意事項六) Biên lai phí thẩm tra (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 6)	繳費 日期 Ngày nộp phí	年月日 Ngày/ tháng /năm		郵局局號(6 碼) Mã bưu điện (6 chữ số)								
	劃撥收據號碼(8 碼)或交易序號 (9 碼) Số biên lai (8 chữ số) hoặc số giao dịch (9 chữ số)											
求才證明書編號 (有附則免填，填表說明注意 事項七) Mã giấy chứng nhận tuyển dụng (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 7)												
雇主受聘僱許可函文號(有附則免填，填表說明注意 事項八) Mã giấy phép được tuyển dụng của chủ sử dụng lao động (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 8)												
☐ 招募許可函文號(有附則免填，填表說明注意 事項九) Mã số giấy phép tuyển mộ (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 9)												

請詳閱背面填表說明 Xin hãy đọc kỹ hướng dẫn điền đơn phía sau

☐ 原聘僱或接續聘僱許可函文號 (有附則免填，填表說明注意事項八) Mã số giấy phép tuyển dụng lao động cũ hoặc tiếp nhận tuyển dụng lao động (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 8)													
原廢止聘僱許可或不予許可函文號(除三方合意外均 須填寫，填表說明注意事項十) 或因疫情未能出國經 本部同意轉出函文號(有附則免填，填表說明注意事項 十一) Mã số công văn hủy giấy phép tuyển dụng lao động cũ hoặc mã số công văn không cấp phép (bắt buộc phải điền ngoại trừ trường hợp ba bên đồng ý, xem tại mục chú ý 10) hoặc mã số công văn của Bộ lao động đồng ý cho lao động chuyển chủ do dịch bệnh mà lao động chưa thể xuất cảnh. (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 11).													
外國人工作地址 (請擇一勾選，填表說明注意事 項十二) Địa chỉ làm việc của người nước ngoài (Hãy chọn một ô, xem mục chú ý 12)		☐ 同招募許可函 Giống như trong giấy phép tuyển mộ ☐ 其他地址(需為雇主外僑居留證之居留地址並檢附證明文件) Địa chỉ khác (cần là địa chỉ cư trú trên thẻ cư trú dành cho người nước ngoài của chủ sử dụng lao động và đính kèm giấy tờ chứng nhận)											
就業安定費帳單寄送地址 (請擇一勾選) Địa chỉ gửi hóa đơn phí đảm bảo việc làm (hãy chọn một ô)		☐ 同外國人工作地址 Giống địa chỉ làm việc của người nước ngoài ☐ 其他地址(需檢附證明文件) Địa chỉ khác (cần kèm theo giấy tờ chứng nhận)											
接續聘僱通報證明書序號(有附則免填，填表說明注 意事項十三) Mã giấy chứng nhận thông báo tiếp nhận tuyển dụng lao động. (nếu có đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 13)													
非持招募 許可函 Không giữ giấy phép tuyển mộ		☐ 1. 雇主所任職公司開具之在職證明書影本(須載明雇主職稱) Bản sao giấy chứng nhận đang làm việc do công ty của chủ sử dụng lao động cấp (cần ghi rõ tên của chủ sử dụng lao động) ☐ 2. 外國人入國工作前應經中央衛生主管機關認可之外國人健康檢查醫院或其本國勞工 部門指定之訓練單位合格證明文件正本及該證明文件雙語認證之證明文件正本(其他工 作類別外國人轉換看護工或家庭幫傭應檢附，外國人曾在中華民國境內從事看護工或家 庭幫傭工作滿 6 個月以上者，免附)。 Bản chính giấy chứng nhận đạt yêu cầu của các bệnh viện kiểm tra sức khỏe người nước ngoài mà cơ quan chủ quản y tế trung ương công nhận hoặc đơn vị đào tạo được ban ngành lao động của quốc gia sở tại chỉ định kèm bản chính xác nhận bản dịch song ngữ các giấy chứng nhận trên (người nước ngoài thuộc loại hình công việc khác chuyển sang làm khẩn hộ công hoặc giúp việc gia đình cần phải đính kèm, trường hợp người nước ngoài từng làm việc khẩn hộ công hoặc giúp việc gia đình đủ 6 tháng trở lên tại Đài Loan thì không cần đính kèm) ☐ 3. 雇主放棄名額切結書正本。(雇主曾聘僱外國人且具遞補資格者，須檢附雇主簽署放 棄名額切結書)(切結事項) Bản chính bản cam kết chủ sử dụng lao động hủy bỏ quyền tuyển dụng lao động bổ sung (Chủ sử dụng từng tuyển dụng lao động nước ngoài và phù hợp điều kiện tuyển dụng bổ sung, cần kèm theo Bản chính cam kết hủy bỏ quyền tuyển dụng lao động bổ sung) (mục nội dung cam kết)											

其他應備文件：

Giấy tờ cần nộp khác:

☐ 1. 雙方或三方合意接續聘僱證明書正本（經公立就業服務機構接續聘僱者免附）
 Bản chính giấy chứng nhận hai bên hoặc ba bên đồng ý tiếp nhận tuyển dụng lao động (trường hợp được cơ sở dịch vụ việc làm công lập nhận tiếp nhận tuyển dụng thì không cần đính kèm)

☐ 2. 原雇主之被看護者死亡證明影本（新任外國人轉出原因為被看護者死亡須檢附，填表說明注意事項十）
 Bản sao giấy chứng tử của người được chăm sóc của chủ sử dụng lao động cũ (trường hợp nguyên nhân chuyển chủ của người lao động nước ngoài mới là người chăm sóc bị chết thì mới cần đính kèm, xem tại nội dung chú ý 10).

請依申請資格勾選需檢附文件：

Hãy tích chọn giấy tờ đính kèm dựa vào từng loại đối tượng xin

☐ 外資金額 Số tiền đầu tư nước ngoài	雇主所任職公司來我國投資證明文件影本(須加蓋公司及負責人印章) Bảo sao giấy chứng nhận đầu tư vào Đài Loan của công ty nơi mà chủ sử dụng lao động làm việc (cần kèm theo dấu công ty và người phụ trách công ty)
☐ 公司營業額 Doanh thu công ty	雇主所任職公司上年度營利事業所得稅結算申報書影本(須加蓋公司及負責人印章) Bản sao Bảng khai báo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước của công ty nơi mà chủ sử dụng lao động làm việc (cần kèm theo dấu công ty và người phụ trách công ty)
☐ 薪資所得 Thu nhập từ lương	雇主上年度繳納所得稅之納稅及所得明細證明或聘僱合約影本(須加蓋公司及負責人印章) 外國政府核發雇主曾聘僱外國人之證明文件，該證明文件係國外作成者應經我駐外館處驗證，並檢附中文譯本（以年薪或月薪資格達標準申請者，且聘僱同一名外籍幫傭者需檢附） Bản sao giấy chứng nhận bảng kê chi tiết nộp thuế thu nhập và thu nhập năm trước hoặc bản sao hợp đồng tuyển dụng của chủ sử dụng lao động (cần thêm con dấu công ty và người phụ trách), Giấy chứng nhận chủ sử dụng lao động đã từng tuyển dụng lao động nước ngoài do chính phủ nước ngoài cấp, giấy chứng nhận này của nước ngoài cần do văn phòng đại diện của Đài loan tại nước ngoài xác nhận, và kèm theo bản dịch tiếng Trung (trường hợp xin theo điều kiện tiền lương năm hoặc lương tháng đạt tiêu chuẩn, và tuyển dụng cùng một người giúp việc nước ngoài thì cần phải đính kèm)
☐ 新創公司 Công ty khởi nghiệp	經中央目的事業主管機關認定實績之證明文件。 Giấy tờ chứng nhận được cơ quan chủ quản sự nghiệp mục tiêu trung ương xác nhận thành tích công ty

同意外國人代雇主申請聘僱許可切結書

Bản cam kết đồng ý người nước ngoài thay mặt chủ sử dụng lao động xin giấy phép tuyển dụng lao động
雇主 (統一編號:) 同意由本案外國人(護照號碼:)
代為申請聘僱許可, 並聲明本申請案所填寫資料及檢附文件等均屬實, 如有虛偽, 願負法律上之一切責任。

Chủ sử dụng lao động (Mã số ID:) đồng ý cho phép người nước ngoài trong hồ sơ này
(số hộ chiếu:) thay mặt xin giấy phép tuyển dụng lao động và xin cam đoan tất cả thông tin đã
điền trên tờ đơn này và giấy tờ kèm theo đơn đều đúng sự thật, nếu sai, sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm
trước pháp luật.

雇主: 負責人: (簽章)
Chủ sử dụng lao động Người phụ trách: (ký tên đóng dấu)

雇主市內電話: (不得填列私立就業服務機構之聯絡資訊)

Số điện thoại bàn của chủ sử dụng lao động: (không được điền thông tin liên hệ của tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân)

雇主行動電話: (不得填列私立就業服務機構之聯絡資訊)

Điện thoại di động của chủ sử dụng lao động: (không được điền thông tin liên hệ của tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân)

電子郵件 Email : ☐有 Có

☐無 Không

※以上 3 項聯絡資訊, 請確實填寫, 雇主應依規定就市內電話或行動電話擇一填寫提供雇主本人或可聯繫至雇主之親友電話, 如未確實填寫雇主聯絡電話, 將不予核發許可。另聯絡資訊將作為本機關即時聯繫說明申請案件審查情形及後續聘僱管理注意事項之用, 以利縮短案件審查時間, 與保障雇主聘僱外國人之權益!

Xin hãy điền chính xác 3 thông tin liên hệ nói trên, chủ sử dụng lao động cần điền số điện thoại bàn hoặc số điện thoại di động theo quy định để cung cấp số điện thoại của bản thân hoặc của bạn bè người thân nhưng có thể liên hệ được với chủ sử dụng lao động, nếu không điền chính xác số điện thoại liên hệ của chủ sử dụng lao động thì sẽ không duyệt cấp giấy phép. Ngoài ra, thông tin liên hệ sẽ dùng để cơ quan kịp thời liên hệ giải thích tình hình thẩm tra hồ sơ và nội dung chú ý về quản lý tuyển dụng sau này, nhằm rút ngắn thời gian thẩm tra hồ sơ và bảo đảm quyền lợi cho chủ sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài.

中 華 民 國 年 月 日
Trung Hoa Dân Quốc Ngày tháng năm

(以下虛線範圍為機關收文專用區)

(Phạm vi đường kẻ đứt đoạn là mục dành riêng cho cơ quan nhận hồ sơ)

收文章 Dấu nhận hồ sơ:	收文號 Mã nhận hồ sơ
------------------------	-------------------

切結事項: 放棄名額切結書

Bản cam kết từ bỏ quyền tuyển dụng lao động

具切結書人 (身分證字號:) 在此切結事項如下:

☐切結放棄曾聘僱 籍 ☐家庭看護工 ☐家庭幫傭 (護照號碼:) 1 名之聘僱該外國人名額。

☐切結放棄以 年 月 日勞動發事字第 號函核准招募許可函引進外國人效力。
(持招募許可函接續聘僱者勿填)

Người viết cam kết (Số chứng minh thư:) cam kết tại đây như sau:

☐Cam kết từ bỏ quyền tuyển dụng 01 lao động nước ngoài đã từng tuyển dụng làm ☐Khán hộ công gia đình

☐Giúp việc gia đình (số hộ chiếu :)

quốc tịch.....

☐Cam kết từ bỏ hiệu lực nhập lao động nước ngoài trong giấy phép tuyển dụng được duyệt theo công văn số lao động fa shi zi ngày tháng năm.

(trường hợp giữ giấy phép tuyển dụng tiếp nhận tuyển dụng lao động thì miễn điền)

切 結 人 :

Người cam kết

中 華 民 國

Trung Hoa Dân Quốc

(簽 章)

(Ký đóng dấu)

聯 絡 電 話 :

Điện thoại liên hệ:

年

月

日。

Ngày tháng năm

填表說明注意事項：

Nội dung chú ý khi điền đơn

一、相關法規及申請程序，請依照本機關網站所載最新規定辦理。

1. Về những quy định pháp luật liên quan và trình tự xin , xin hãy thực hiện theo quy định mới nhất trên Website của cơ quan này.

二、外資金額指公司設立登記表、公司變更登記表、董監事名冊或其他足以證明公司資本額等文件所記載之外資來華投資金額。

2. Số tiền đầu tư nước ngoài là chỉ số tiền nước ngoài đầu tư tại Đài Loan và được ghi trong các tài liệu như Giấy đăng ký thành lập công ty, Giấy đăng ký thay đổi công ty, danh sách ban giám đốc hoặc giấy tờ khác có thể chứng nhận số vốn đầu tư của công ty.

三、新任外國人請填護照號碼，倘非首次來臺受聘且有護照號碼異動之情事，應立即向內政部移民署辦理居留資料異動事宜。

3. Người nước ngoài hãy điền số hộ chiếu, nếu không phải lần đầu tiên sang Đài Loan làm việc và đã thay đổi số hộ chiếu, cần lập tức làm thủ tục thay đổi thông tin cư trú tại Sở Di Dân Bộ Nội Chính.

四、新任外國人行動電話必填，且不得與雇主電話相同，未填寫者，將退請補正確認；電子郵件須勾選「有」或「無」，未勾選者，將退請補正確認，若勾選「有」，請確實填寫且不得與雇主電子郵件相同。

4. Người nước ngoài mới bắt buộc phải điền số điện thoại di động, và không được giống với số điện thoại của chủ sử dụng lao động, trường hợp không điền, sẽ bị trả lại để bổ sung xác nhận; Hòm thư email cần chọn “có” hoặc “không”, trường hợp chưa chọn sẽ trả lại để bổ sung xác nhận; nếu chọn “có” hãy điền đúng email và không được giống với email của chủ sử dụng lao động.

五、請據實填寫，如接續聘僱後雇主死亡，請檢附死亡證明書影本。若他人於雇主死亡後仍以其名義接續聘僱外國人，將以違反就業服務法第5條第2項第5款規定論處。

5. Hãy điền đúng sự thật, nếu sau khi nhận tuyển dụng tiếp lao động, chủ sử dụng lao động hãy kèm theo bản sao giấy chứng tử. Nếu người khác sau khi chủ sử dụng lao động bị chết vẫn lấy danh nghĩa của người này tiếp nhận tuyển dụng lao động nước ngoài thì sẽ bị xử phạt do vi phạm quy định khoản 5 mục 2 điều 5 Luật dịch vụ việc làm.

六、審查費(公立就業服務機構：100 元，雙方或三方合意：200 元)收據：分為電腦收據(白色)及臨櫃繳款收據(綠色或藍色)2 種，填寫如下：

6. Biên lai chi phí thẩm tra (tổ chức dịch vụ việc làm công lập 100 đài tệ, 2 bên hoặc 3 bên đồng ý :200 đài tệ): bao gồm 2 loại là biên lai điện tử (màu trắng) và biên lai nộp tiền tại quầy (màu xanh), điền như sau:

(1) 電腦收據(各郵局開具之白色收據)：

Biên lai điện tử (biên lai màu trắng được kê tại các bưu điện

範例 00002660 110/06/11 16:46:33

00002660 110/06/11

Ví dụ: 00002660 110/06/11 16:46:33

劃撥收據號碼(8 碼)

Số biên lai (8 chữ số)

繳費日期

Ngày nộp phí

003110

郵局局號 Mã bưu điện

填寫 繳費日期：110 年 6 月 11 日，郵局局號：003110，劃撥收據號碼(8 碼)：00002660

Điền ngày nộp phí: Trung Hoa Dân Quốc năm 110 tháng 6 ngày 11, Mã bưu chính : 003110, số biên lai (8 chữ số): 00002660

(2) 臨櫃繳款收據(郵局派本機關駐點開具之藍色收據)：

Biên lai nộp tiền tại quầy (biên lai màu xanh do bưu

局號 Mã bưu điện	000100-6
110.06.11	

範例 右上角 B-5103097，經辦局章戳

Ví dụ: Góc trên bên phải B-5103097, con dấu bưu điện

填寫 交易序號(9 碼)：B-5103097，繳費日期：110 年 6 月 11 日，郵局局號：000100

Điền số giao dịch (9 chữ số): B-5103097, ngày nộp phí: Trung Hoa Dân Quốc năm 110 tháng 6 ngày 11, Mã bưu điện: 000100

七、求才證明書編號：範例 編號：A320702010120043 填寫為 A320702010120043

7. Mã giấy chứng nhận tuyển dụng, ví dụ 編號：A320702010120043 hãy điền A320702010120043.

八、許可函文號：範例 勞○○○字第 1100641633 號，填寫為 1100641633

8. Mã số giấy phép ví dụ: 勞○○○字第 1100641633 號, thì điền là 1100641633

九、招募許可函請務必檢附正本。

9. Giấy phép tuyển mộ bắt buộc phải đính kèm bản chính

十、原雇主如因被看護者死亡，向本機關申請外國人轉出或經本機關與戶政機關勾稽該被看護者死亡資料，經本機關廢止聘僱許可，免附被看護者死亡證明影本。

10. Trường hợp chủ sử dụng lao động cũ vì người được chăm sóc đã tử vong, xin cho người nước ngoài chuyển chủ tại cơ quan này hoặc được Cơ quan này và Cơ quan hộ chính nắm được thông tin tử vong của người được chăm sóc, và được cơ quan này hủy bỏ giấy phép tuyển dụng lao động, thì miễn kèm theo bản sao giấy chứng tử của người được chăm sóc.

十一、外國人原聘期屆滿，因疫情影響未能出國且雇主未辦理期滿續聘或期滿轉換，經本部同意轉換雇主或工作之文號。

11. Mã số công văn Bộ Lao động đồng ý cho Người nước ngoài được đổi chủ hoặc công việc, do người đó đã hết hạn lao động cũ, vì ảnh hưởng dịch bệnh không thể xuất cảnh và chủ sử dụng lao động không làm thủ tục tuyển dụng tiếp hoặc chuyển chủ sau khi hết hạn hợp đồng.

十二、外國人工作地址須為雇主外僑居留證之居留地址，請勾選「同招募許可函」，或「其他地址」並檢附證明文件。

12. Địa chỉ làm việc của người nước ngoài là địa chỉ cư trú trên thẻ cư trú dành cho người nước ngoài của chủ sử dụng lao động, hãy tích chọn “ giống giấy phép tuyển mộ” hoặc “địa chỉ nơi khác” và kèm theo giấy tờ chứng nhận.

十三、當地主管機關核發雇主接續聘僱外國人通報證明書(簡稱接續聘僱通報證明書)序號：範例 右上角 00000123456789 填寫為 00000123456789

13. Mã số giấy chứng nhận cơ quan chủ quản địa phương cấp thông báo người nước ngoài đã được chủ sử dụng lao động khác tiếp nhận tuyển dụng (gọi tắt là giấy chứng nhận thông báo tiếp tục tuyển dụng), ví dụ góc trên bên phải 00000123456789 thì điền là 00000123456789.

十四、☐請依實際情況勾選，如須檢附文件，務必檢附。

14. Hãy tích chọn (☐) theo tình hình thực tế, nếu cần phải đính kèm giấy tờ, thì bắt buộc phải đính kèm.

十五、申請文件除政府機關、醫療機構、學校或航空公司核發或開具之證明文件外，應加蓋申請人或公司及負責人印章

15. Những giấy tờ cần nộp cần phải đóng dấu người làm đơn hoặc công ty và người phụ trách công ty ngoại trừ giấy tờ chứng nhận do cơ quan chính phủ, cơ sở y tế, trường học hoặc công ty hàng không cấp hoặc phát hành.